## Tiết 3: Toán

**TIẾT 26. BÀI 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

1. Kiến thức

- Viết được số đo độ dài, khối lượng, dung tích dưới dạng số thập phân.

- Viết được số đo diện tích dưới dạng số thập phân.

- Vận dụng được việc viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết tình huống thực tế.

2. Năng lực

- Biết vận dụng cách viết số đo đại lượng dưới dạng thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất.

- Ham học hỏi tìm tòi , yêu thích môn học.

**II. Đồ dung dạy học**

- Bài giảng ĐT.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu ( 2-3’)** | | | |
| **\* Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “Bắn tên”, nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.  ? Nêu mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo diện tích liền kề nhau?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *“Tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu cách viết số đo độ dài và diện tích dưới dạng số thập phân. Hôm nay, cô trò mình sẽ cùng nhau tìm hiểu về cách viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân!”* | | | - HS hát: Em yêu trường em  - HS tham gia trò chơi  - H nhắc lại mối quan hệ.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá: ( 11-13’)** | | | |
| **-** GV đưa video phần khám phá SGK/44, trả lời câu hỏi. | | | - HS quan sát, lắng nghe. |
| - GV nêu câu hỏi:  + Diện tích tấm kính đã dùng để làm các mặt kính của bể cá là bao nhiêu?  + Muốn biết diện tích tấm kính đó bằng bao nhiêu mét vuông, ta phải làm gì?  **1. Giới thiệu cách so viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.**  Ví dụ 1: Viết số đo diện tích của tấm kính hình chữ nhật  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi gợi ý HS tìm hiểu cách viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân.  + Em hãy viết số đo 1 m2 60 dm2 dưới dạng hỗn số có phần phân số là phân số thập phân.  + Chuyển hỗn số vừa tìm được về dạng số thập phân.  Ví dụ 2: Viết 56 dm2 dưới dạng số thập phân với đơn vị mét vuông.  - GV nêu câu hỏi:  + 56 dm2 có thể viết dưới dạng phân số thập phân như thế nào?  + Chuyển phân số thập phân vừa tìm được về dạng số thập phân.  **2. Khái quát cách viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.**  - GV gợi ý, đặt câu hỏi để HS nêu được cách viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.  “Muốn viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân, ta làm như thế nào?”  Ví dụ: 12 cm2 59 mm2 = **?** cm2.  + Viết số đo diện tích dưới dạng hỗn số có phần phân số là phân số thập phân.  12 cm2 59 mm2 = 12 cm2.  + Viết hỗn số vừa tìm được dưới dạng số thập phân.  12 cm2 = 12,59 cm2  Viết gọn: 12 cm2 59 mm2 = **12,59** cm2.  - GV lưu ý cho HS: Trong bảng đơn vị đo diện tích đã học, hai đơn vị đo liền kề nhau hơn (kém) nhau 100 lần.  + Đơn vị bé bằng đơn vị lớn tiếp liền.  + Đơn vị lớn gấp 100 đơn vị bé tiếp liền. | | | - HS trả lời:  + Diện tích tấm kính đã dùng để làm các mặt kính của bể cá là 1 m2 60 dm2.  + Ta viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.  - HS trả lời:  + 1 m2 60 dm2 = m2.  + m2 = 1,6 m2.  Vậy 1 m2 60 dm2 = 1,6 m2.  - HS trả lời:  56 dm2 = m2 = 0,56 m2.  Vậy 56 dm2 = 0,56 m2.  - HS dựa vào gợi ý của GV nêu cách viết số đo diện tích dưới dạng đố thập phân.  **Cách viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân, ta làm như sau:**  + Viết số đo diện tích dưới dạng phân số thập phân hoặc hỗn số có phần phân số là phân số thập phân.  + Chuyển phân số thập phân và hỗn số có phần phân số là phân số thập phân dưới dạng số thập phân  - HS chú ý lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập thực hành (15-17’)** | | | |
| **Bài 1 B/C (7-8’)**  Tìm số thập phân thích hợp   |  |  | | --- | --- | | a) 8 m2 75 dm2 = **?** m2  3 m2 6 dm2 = **?** m2  120 dm2 = **?** m2 | b) 4 dm2 25 cm2 = **?** dm2  2 dm2 5 cm2 = **?** dm2  85 cm2 = **?** dm2 |   Chốt: Muốn viết số đo diện tích dưới dạng STP ta làm thế nào? | | - HS đọc, nêu yêu cầu.  - HS làm b/c – Chia sẻ cách làm  Lượt 1 : **a)** 8 m2 75 dm2 = **8,75** m2  3 m2 6 dm2 = **3,06** m2  120 dm2 = **1,2** m2  Nhận xét, giải thích cách làm PT 2  **Lượt 2 b)** 4 dm2 25 cm2 = **4,25** dm2  2 dm2 5 cm2 = **2,05** dm2  85 cm2 = **0,85** dm2  - Nêu cách chuyển 85 cm2 = **?** dm2  - HS trảlời | |
| **Bài 2 V (7-8’) Đ, S?** | |  | |
| - GV cho HS đọc đề bài,    - Soi bài  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  Chốt:Để làm được bài tập 2, em cần là gì?  **4. Củng cố (2-3’)**  **-** Nêu cảm nhận của em qua tiết học?  - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. | - HS đọc đề bài, làm vở  - Đổi vở KT báo cáo kết quả  - HS trình bày, giải thích cách làm  + Viết số đo 4 cm2 15 mm2 dưới dạng số thập phân với đơn vị đo là cm2.  + So sánh các số đo diện tích với nhau.  - HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ | | |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**